TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/KDTM - ST
Ngày: 31-7-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Thanh Long

2. Bà Lê Thị Kim Xuyến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-KDTM ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 585/2023/QĐXXST-KDTM ngày 6 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A** (ACB)

Người đại diện theo pháp luật: ông Từ Tiến Ph– tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: 442 Ng, phường 5, quận 3, Thành phố. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó giám đốc phòng quản lý nợ.

Ông L ủy quyền lại cho ông Nguyễn Quốc V – Nhân viên

Địa chỉ: 220 H, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Công ty TNHH MTV D**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D- Giám đốc công ty.

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1969.

Bà **Lê Thị Tuyết R**, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
Ông **Lê Hoàng A**, sinh năm 1976.
Bà **Lê Thị Ngọc Nh**, sinh năm 1982
Cùng địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2021, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần A do ông Nguyễn Quốc V đại diện trình bày:*

Ngân hàng TMCP A đã cho Công ty TNHH MTV D vay số tiền 15.000.000.000đ (mười lăm tỷ đồng) theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LTA.DN.2308.151118 ngày 19/11/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số LTA.DN.320.031020 ngày 05/10/2020; Phụ lục hợp đồng số LTA.DN.320.031020/PL.01 ngày 05/10/2020.

- Mục đích cho vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động theo ngành nghề đăng ký trên giấy đăng ký kinh doanh.
- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng.
- Thời hạn hiệu lực HMTD: Kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng đến hết ngày 09/7/2021.
- Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân.
- Lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.
- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để thực hiện các Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, ACB đã giải ngân cho Công ty Dbằng 03 Khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số : 319491819 ký Ngày 05/10/2020, số tiền giải ngân là 1.000.000.000 đồng; phương thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản thanh toán số 7797790168 của Công ty Dtại ACB, thời gian từ ngày 06/10/2020 đến ngày 05/4/2021. Lãi suất trong hạn: 9,50%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 319985679 ngày 12/10/2020, số tiền giải ngân là 12.500.000.000đ, phương thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản thanh toán số 7797790168 của Công ty Dtại ACB, thời hạn từ ngày 13/10/2020 đến ngày 12/4/2021. Lãi suất trong hạn: 9,50%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm)= LS13 + 3,10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 326387839 ký ngày 7/1/2021, số tiền giải ngân là 1.500.000.000đ. Phương thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản thanh toán số 7797790168 của Công ty D tại ACB, thời hạn từ ngày 8/1/2021 đến ngày

7/7/2021. Lãi suất trong hạn: 9,50%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Đến ngày đáo hạn (kết thúc thời hạn cho vay) của 03 Khế ước nhận nợ nêu trên nhưng Công ty D vẫn không trả nợ cho ACB. Do đó, tính kể từ ngày kế tiếp của ngày đáo hạn tương ứng từng Khế ước nhận nợ, ACB đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán của Công ty Dsang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 31/07/2023, Công ty TNHH D còn nợ ACB các khoản sau:

- Khế ước nhận nợ số 319491819: vốn gốc 1.000.000.000đ; Lãi trong hạn 24.452.055đ; lãi quá hạn 365.486.301đ; phạt chậm trả 5.863.528đ. Tổng cộng là 1.395.801.884đ.

- Khế ước nhận nợ số 319985679: Vốn gốc 12.500.000.000đ; lãi trong hạn 329.794.521đ, lãi quá hạn 4.530.821.918đ; phạt chậm trả 78.715.097đ. Tổng cộng là 17.439.331.536đ.

- Khế ước nhận nợ số 326387839: Vốn gốc 1.500.000.000đ, lãi trong hạn 10.541.096đ; lãi quá hạn 441.554.795đ; phạt chậm trả 2.177.530đ. Tổng cộng 1.954.273.421đ.

- Tổng cộng 3 khế ước là 20.789.406.841đ, trong đó: Vốn gốc 15.000.000.000đ; lãi trong hạn 364.787.672đ; lãi quá hạn 5.337.863.014đ; phạt chậm trả 86.765.155đ.

Để đảm bảo cho khoản vay thì ngày 19/11/2018 ông Lê Văn D và bà Lê Thị Tuyết R có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 43, 340, 341, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N do ông Danh, bà Rong đứng tên sở hữu để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV D vay tiền Ngân hàng ACB và ngày 23/10/2019 ông Lê Hoàng A có ký Hợp đồng thế chấp QSD đất thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N do ông Lê Hoàng A đứng tên sở hữu để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV D vay tiền Ngân hàng TMCP A.

Nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH MTV D được bảo lãnh của ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết Rtheo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 19/11/2018, bảo lãnh của ông Lê Hoàng A theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 23/10/2019. Theo đó, bên bảo lãnh đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng (Công ty D) các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với ACB khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên được cấp tín dụng với ACB (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký cam kết.

Ngân hàng TMCP A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Công ty TNHH MTV D phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 20.789.406.841đ (trong đó nợ gốc là 15.000.000.000đ, lãi trong hạn là 364.787.672đ, lãi quá hạn là 5.337.863.014đ, phạt chậm trả lãi là 86.756.155đ). Ngoài ra Ngân hàng TMCP A yêu cầu Công ty TNHH MTV D phải

trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ tính từ ngày 26/10/2021 đến ngày trả hết nợ.

Nếu Công ty TNHH MTV D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản dùng để bảo đảm sẽ được cơ quan có thẩm quyền sử lý để thu hồi nợ. Các tài sản đảm bảo gồm: Thửa đất số 340, 341, 43, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N do ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết Rđứng tên chủ sở hữu. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N do ông Lê Hoàng A đứng tên chủ sở hữu. Bên bảo lãnh là ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết Rvà ông Lê Hoàng A thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy Cam kết về việc trả nợ ngày 19/11/2018 và ngày 23/10/2019.

**** Bị đơn Công ty TNHH MTV D – do ông Lê Văn D đại diện trình bày:***

Ông xác định Công ty TNHH MTV D có ký các hợp đồng tín dụng theo như Ngân hàng ACB trình bày là đúng. Ngoài ra với tư cách cá nhân ông và vợ ông là Lê Thị Tuyết R có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 43, 340, 341, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV D vay tiền Ngân hàng. Hiện đang nợ Ngân hàng TMCP A số tiền gốc là 15.000.000.000đ và tiền lãi đến nay chưa trả theo đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên, hiện nay Công ty đang khó khăn nên ông xin trả tiền gốc 15.000.000.000đ, xin không trả lãi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết R trình bày:***

Vợ chồng ông bà xác định là có ký Hợp đồng thế chấp QSD đất thửa đất số 340, 341, 43, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N ngày 19/11/2018 để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV D vay tiền Ngân hàng TMCP A. Nay nếu Công ty TNHH MTV D không trả được nợ thì ông bà cũng đồng ý dùng tài sản trên để trả nợ. Nhưng ông bà cũng xin trả nợ gốc không trả nợ lãi.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng A trình bày:***

Ông xác định là có ký Hợp đồng thế chấp QSD đất thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N ngày 23/10/2019 để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV D vay tiền Ngân hàng TMCP A số tiền 2.600.000.000đ. Ngoài ra ông không có ký thêm bất kỳ hợp đồng hay phụ lục hợp đồng bảo lãnh nào khác. Nay nếu Công ty TNHH MTV D không trả được nợ thì ông cũng đồng ý bỏ ra 2.600.000.000đ để trả nợ và chuộc sổ đỏ về. Trước đây, ông có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa ông với Ngân hàng TMCP A, ông sẽ thanh toán lại cho Ngân hàng 2.600.000.000đ, buộc Ngân hàng trả lại cho ông giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 23, tờ

bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N nhưng tại hồ sơ ông đã làm đơn rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và tại phiên Tòa hôm nay ông xác định là xin được rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ngọc Nh trình bày:

Chị là vợ của anh Lê Hoàng A. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai do chồng chị đứng tên giấy chứng nhận QSD đất là của cha chồng chị chết để lại. Tuy nhiên, khi lấy thì chồng chị đã về ở trên đất từ năm 2001 cho đến nay. Khi ra công chứng ký bảo lãnh, thế chấp quyền sử dụng đất thì chị có đi, nhưng không có ký. Chị thống nhất với ý kiến của chồng chị. Chị đồng ý cùng với chồng chị trả số tiền 2.600.000.000đ (hai tỷ sáu trăm triệu đồng) cho Ngân hàng và Ngân hàng phải hoàn trả lại cho vợ chồng chị tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, tọa lạc tại thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, do bận công việc nên tôi xin phép được vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, kể cả khi xét xử của Tòa án. Chị cam đoan sẽ không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

** **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham dự phiên tòa:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong qua trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán căn cứ vào Điều 24; về thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện đúng quy định tại Điều 182, 183, 184 Bộ luật tố tụng dân sự, về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ sang Viện Kiểm Sát, nguyên tắc xét xử Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền của Tòa án nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu Công ty TNHH MTV D thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi, tiền phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký và ông Lê Hoàng A có yêu cầu khởi kiện độc lập yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa ông với Ngân hàng TMCP A, ông sẽ thanh toán lại cho Ngân hàng 2.600.000.000đ, buộc Ngân hàng trả lại cho ông giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ tranh chấp được xác định là: " Tranh chấp hợp đồng tín dụng "

[3] Về nội dung khởi kiện:

- Ngân hàng TMCP đã cho Công ty TNHH MTV D vay số tiền 15.000.000.000đ (mười lăm tỷ đồng) theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LTA.DN.2308.151118 ngày 19/11/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số LTA.DN.320.031020 ngày 05/10/2020; Phụ lục hợp đồng số LTA.DN.320.031020/PL.01 ngày 05/10/2020.

- Mục đích cho vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động theo ngành nghề đăng ký trên giấy đăng ký kinh doanh.

- Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng.

- Thời hạn hiệu lực HMTD: Kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng đến hết ngày 09/7/2021.

- Thời hạn cho vay: Được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, kể từ ngày kế tiếp của ngày giải ngân.

- Lãi suất trong hạn: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

- Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để thực hiện các Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên, ACB đã giải ngân cho Công ty Dbằng 03 Khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số: 319491819 ký ngày 05/10/2020, số tiền giải ngân là 1.000.000.000 đồng; phương thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản thanh toán số 7797790168 của Công ty D tại ACB, thời gian từ ngày 06/10/2020 đến ngày 05/4/2021. Lãi suất trong hạn: 9,50%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 319985679 ngày 12/10/2020, số tiền giải ngân là 12.500.000.000đ, phương thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản thanh toán số 7797790168 của Công ty D tại ACB, thời hạn từ ngày 13/10/2020 đến ngày 12/4/2021. Lãi suất trong hạn: 9,50%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm)= LS13 + 3,10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 326387839 ký ngày 7/1/2021, số tiền giải ngân là 1.500.000.000đ. Phương thức giải ngân: Chuyển vào tài khoản thanh toán số 7797790168 của Công ty D tại ACB, thời hạn từ ngày 8/1/2021 đến ngày 7/7/2021. Lãi suất trong hạn: 9,50%/năm, cố định trong 03 tháng đầu tiên, sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất (%/năm) = LS13 + 3,10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay thì ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết R có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 43, 340, 341, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV D vay tiền Ngân hàng và ông Lê Hoàng A có ký Hợp đồng thế chấp QSD đất thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N ngày 23/10/2019 để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV D vay tiền Ngân hàng TMCP A với số tiền 2.600.000.000đ

Nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH MTV D được bảo lãnh của ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết R theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 19/11/2018 bảo lãnh của ông Lê Hoàng A theo Giấy cam kết về việc trả nợ lập ngày 23/10/2019. Theo đó, bên bảo lãnh đồng ý trả thay cho bên được cấp tín dụng (Công ty D) các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với ACB khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng với ACB (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký cam kết.

Ngân hàng TMCP A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Công ty TNHH MTV D phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 20.789.406.841đ (trong đó nợ gốc là 15.000.000.000đ, lãi trong hạn là 364.787.672đ, lãi quá hạn là 5.337.863.014đ, phạt chậm trả lãi là 86.756.155đ). Ngoài ra Ngân hàng TMCP A yêu cầu Công ty TNHH MTV D phải trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi theo mức lãi suất quy định tại thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ tính từ ngày 26/10/2021 đến ngày trả hết nợ.

Nếu Công ty TNHH MTV D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản dùng để đảm bảo sẽ được cơ quan có thẩm quyền sử lý để thu hồi nợ. Các tài sản đảm bảo gồm: Thửa đất số 340, 341, 43, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N do ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết Rđứng tên chủ sở hữu. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N do ông Lê Hoàng A đứng tên chủ sở hữu.Bên bảo lãnh là ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết R và ông Lê Hoàng A thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy Cam kết về việc trả nợ ngày 19/11/2018 và ngày 23/10/2019.

*Tại hồ sơ và tại phiên Tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng A xin rút yêu cầu khởi kiện độc lập yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp giữa ông với Ngân hàng TMCP A, ông sẽ thanh toán lại cho Ngân hàng 2.600.000.000đ, buộc Ngân hàng trả lại cho ông giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ yêu cầu này.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn Công ty TNHH MTV D về các nội dung thỏa thuận về số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả là đúng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Ngân hàng TMCP A đã giải ngân cho Công ty

TNHH MTV D số tiền 15.000.000.000đ theo: Khế ước nhận nợ số: 319491819 ký ngày 05/10/2020 số tiền giải ngân 1.000.000.000đ. Theo lịch biểu kế hoạch trả nợ kèm theo hợp đồng tín dụng này thì thời hạn trả nợ tính từ ngày 6/10/2020 đến ngày 5/4/2021; Khế ước nhận nợ số 319985679 ngày 12/10/2020, số tiền giải ngân là 12.500.000.000đ, thời hạn trả nợ tính từ ngày 13/10/2020 đến ngày 12/4/2021 và Khế ước nhận nợ số 326387839 ký ngày 7/01/2021, số tiền giải ngân là 1.500.000.000đ, thời hạn trả nợ tính từ ngày 8/01/2021 đến ngày 7/7/2021. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty TNHH MTV D vẫn chưa thanh toán hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên Tòa ông Lê Văn D là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV D thừa nhận có nợ Ngân hàng A các khoản nợ trên, đến nay chưa trả được gốc và lãi cho Ngân hàng do làm ăn thua lỗ. Nay Ngân hàng TMCP A yêu cầu Công ty TNHH MTV D phải thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày ngày 31/7/2023 như sau: Nợ gốc: 15.000.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 364.787.672đ, lãi quá hạn: 5.337.863.014, tiền phạt chậm trả gốc: 86.756.155đ. Tổng số tiền là 20.789.406.841 đồng, tiền lãi tiếp tục tính đến ngày bị đơn thanh toán xong nợ gốc thì ông cũng đồng ý nhưng hiện không có tiền nên xin trả gốc không phải trả lãi và cũng đồng ý xử lý tài sản vợ chồng ông đã thế chấp bảo lãnh cho Công ty để vay tiền Ngân hàng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết Rong, ông Lê Hoàng A xác định có ký Hợp đồng thế chấp QSD đất để bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV D vay tiền Ngân hàng A nay cũng đồng ý trong trường hợp Công ty TNHH D không trả được nợ thì sẽ dùng tài sản đã thế chấp để xử lý nợ theo nội dung hợp đồng bảo lãnh thế chấp đã ký. Tuy nhiên, phía Ngân hàng không đồng ý bớt khoản lãi cho bị đơn mà đề nghị phải trả cả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Trên cơ sở sự thừa nhận của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì cần chấp nhận Tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên buộc bị đơn Công ty TNHH MTV D phải chịu 128.789.406 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 62.298.500đ theo biên lai thu số 0007052 ngày 15/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trả lại cho ông Lê Hoàng A số tiền tạm ứng án phí 42.000.000đ đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009996 ngày 09/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH MTV D phải chịu 2.070.955đ (trả lại cho Ngân hàng TMCP A).

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 361, 362, 363, 471, 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (Điều 50, 51, 52, 54 luật các tổ chức tín dụng năm 1997 được sửa đổi bổ sung năm 2004);

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về " Tranh chấp hợp đồng tín dụng " đối với nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D.

2. Xử buộc:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LTA.DN.2308.151118 ngày 19/11/2018; Hợp đồng cấp tín dụng số LTA.DN.320.031020 ngày 05/10/2020; Phụ lục hợp đồng số LTA.DN.320.031020/PL.01 ngày 05/10/2020 gồm các khoản: Nợ gốc: 15.000.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 364.787.672đ, lãi quá hạn: 5.337.863.014đ; tiền phạt chậm trả 86.756.155đ. Tổng số tiền là 20.789.406.841 (hai mươi tỷ bảy trăm tám mươi chín triệu bốn trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi mốt) đồng.

Trong trường hợp Công ty TNHH MTV D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì tài sản dùng để đảm bảo sẽ được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ. Các tài sản đảm bảo gồm: Thửa đất số 340, 341, 43, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai do ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị Tuyết Rđứng tên chủ sở hữu. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 55, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai do ông Lê Hoàng A đứng tên chủ sở hữu. Bên bảo lãnh là ông Lê Văn D, bà Nguyễn Thị Tuyết R và ông Lê Hoàng A thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy Cam kết về việc trả nợ ngày 19/11/2018 và ngày 23/10/2019.

3. Về án phí: Công ty TNHH MTV D phải chịu 128.789.406 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 62.298.500đ theo biên lai thu số 0007052 ngày 15/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Trả lại cho ông Lê Hoàng A số tiền tạm ứng án phí 42.000.000đ đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009996 ngày 09/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ: Công ty TNHH MTV D phải chịu 2.070.955đ (trả lại cho Ngân hàng TMCP A).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D còn phải tiếp tục chịu các khoản lãi, phạt phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến ngày trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần A thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Đình Hiền